TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 30/01/2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng

2. Bà Dương Triết Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2018/TLST-DS ngày 01/10/2018 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 443/2018/QĐXXST-DS ngày 19/12/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 10/01/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lưu Minh K, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 767 ấp T, xã T, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Kiều O, sinh năm 1995

Địa chỉ: B 1, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972

Bà Phan Thị H, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Ông K, bà O có mặt. Ông T, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng tháng 12/2017 ông K với ông T có làm hợp đồng mua bán lúa với nhau. Ông K mua của ông T 3.500 tấn lúa, ông T có nhận trước của ông số tiền cọc là 1.750.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền ông T chỉ giao cho ông K được 1.500 tấn, còn lại 2.000 tấn chưa giao. Sau khi cấn trừ sổ sách với nhau thì phía ông T còn nợ lại ông K số tiền là 893.000.000 đồng, sau đó ông T có làm biên nhận với nội dung còn nợ ông K số tiền trên vào ngày 8/5/2018. Đến ngày 9/5/2018 ông T có trả được 200.000.000 đồng. Ngày 12/5/2018 giữa ông K với ông T làm "Tờ thỏa thuận" với nội dung hai bên có hợp đồng mua bán lúa với nhau và đến nay ông T còn nợ lại ông K số tiền 693.000.000 đồng hẹn ngày 25/5/2018 sẽ trả nhưng đến nay vẫn không thực hiện mặc dù ông K có đòi nhiều lần.

Nay ông Lưu Minh K yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị H có trách nhiệm ông số tiền 693.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Phan Thị H: Tòa án đã tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông T, bà H nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông T, bà H vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của ông K.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng mối quan hệ pháp luật, thụ lý và giải quyết đúng theo quy định tại Điều 26, 35, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại các phiên họp và hòa giải và tại phiên tòa nên đã từ bỏ quyền của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Minh K: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho ông K số tiền 693.000.000 đồng, không tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lưu Minh K có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Phan Thị H phải có trách nhiệm trả số tiền là 693.000.000 đồng. Xét, đây là quan hệ tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Phan Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H.

[3] Về nội dung tranh chấp, thấy: Tại "Biên nhận" ngày 8/5/2018 có thể hiện nội dung: "Tôi tên: Nguyễn Văn T 1972 còn nợ Khương 893.000.000đ. Tới ngày thứ ba chuyển đủ". Ngoài ra "TỜ THỎA THUẬN" ngày 12/5/2018 cũng có nội dung: "Tôi tên Nguyễn Văn T sinh năm 1972 ngụ ấp Tân Huệ, xã Vọng Thê… Vào tháng 12/2017 tôi với ông Lưu Minh K có hợp đồng mua bán lúa phía tôi có nhận tiền cọc là 892.000.000đ. Ngày 09/5/2018 tôi có trả cho ông K 200.000.000đ, số tiền còn lại tôi nợ ông K 693.000.000đ…. đến ngày 25/5/2018 nếu không trả đủ tiền cho ông K thì đồng ý bán lại phần đất tôi đã mua cho ông K…". Ông T có ký và ghi rõ họ tên vào biên nhận và tờ thỏa thuận trên. Theo nội dung biên nhận và tờ thỏa thuận hoàn toàn phù hợp với trình bày của nguyên đơn. Như vậy việc xác lập hợp đồng mua bán giữa ông K và ông T là phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo ông K từ khi làm tờ thỏa thuận cho đến nay ông T không thanh toán số tiền trên cho ông mặc dù ông có đòi nhiều lần.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần mời ông T đến để hòa giải, đối chiếu các khoản nợ với nguyên đơn nhưng ông T vắng mặt không lý do. Như vậy phía ông T không cung cấp chứng cứ nào để phủ nhận yêu cầu khởi kiện của ông K và đồng thời đến thời điểm này cũng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào thể hiện đã thực hiện xong số nợ trên cho ông K. Việc ông T không trả tiền cho ông K theo tờ thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ nên ông K khởi kiện yêu cầu ông T phải trả lại 693.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu buộc bà Phan Thị H cùng có trách nhiệm cùng ông T trả số tiền trên cho ông K, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc mua bán lúa giữa ông K và ông T kéo dài từ năm 2012 đến cuối năm 2017, trong thời gian này qua xác minh tại địa phương thì ông T với bà H đang sống chung với nhau như vợ chồng, có với nhau 02 con chung và tạo lập được tài sản chung. Ngoài ra trong cuộc sống gia đình bà H chỉ ở nhà nội trợ, thu nhập của ông T từ việc mua bán lúa với nguyên đơn đều phục vụ cho sinh hoạt chung của gia đình. Từ những căn cứ trên nên việc ông K yêu cầu bà H phải có trách nhiệm với ông T để trả số tiền trên này là hoàn toàn có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ". Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên ngày 02/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn đã ban hành Quyết định số 152/2018/QĐ-BPKCTT về việc phong tỏa diện tích 252.5m^2 đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất số 103, tờ bản đồ số 14 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 636482, số vào sổ cấp GCN: CH02036 do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp ngày 06/7/2018 cho Nguyễn Văn T, Phan Thị H (đất tọa lạc tại xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang), phía nguyên đơn cũng đã nộp số tiền 60.930.000 đồng để đảm bảo việc cho thi hành án. Tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu áp dụng biện pháp tạm thời này, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 152/2018/QĐ-BPKCTT ngày 02/10/2018 để đảm bảo cho giai đoạn thi hành án đồng thời cần trả lại cho ông K số tiền 60.930.000 đồng đã nộp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch huyện Thoại Sơn.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T, bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430 và Điều 437 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Minh K.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Phan Thị H phải trả cho ông Lưu Minh K số tiền là 693.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi ba triệu đồng).

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 152/2018/QĐ-BPKCTT ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Trả lại cho ông Lưu Minh K số tiền thực hiện biện pháp bảo đảm 60.930.000 đồng theo sổ giao dịch tiết kiệm không kỳ hạn số AA 0013350 ngày 02/10/2018 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch huyện Thoại Sơn.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T, bà Phan Thị H phải chịu 31.720.000 đồng (ba mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lưu Minh K không phải chịu án phí nên được hoàn lại 15.860.000 đồng (mười lăm triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009052 ngày 28/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Lưu Minh K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T, bà Phan Thị H có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cứ trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Lâm